

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày 07-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Thạch.

Bà Hoàng Phương Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hằng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Văn P, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1972 tại L, H, Cao Bằng.

Nơi cư trú: tổ 2, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thảm Văn A1 (đã chết) và bà Nông Thị A2, sinh năm 1944, nghề nghiệp: làm ruộng, chỗ ở: xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; vợ: Nông Mai A3, sinh năm 1974, nghề nghiệp: giáo viên, chỗ ở: tổ 2, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; con: 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005; anh, chị em ruột: 08 anh em ruột, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 28/6/2017. Có mặt.

* *Bị hại:* Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1963, trú tại: tổ 03, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Bùi Duy V, sinh năm 1979, trú tại: số 56, tổ 4, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Ông Nông Văn Q, sinh năm 1976, trú tại: xóm B, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Ông Dương Văn O, sinh năm 1976, trú tại: thị trấn M, huyện X, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1972, trú tại: tổ 05, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2012, Nông Văn P - sinh năm 1972 (trú tại tổ 2, phường S, TP C) cùng Bùi Duy V - sinh năm 1979 (trú tại tổ 4, phường Đ, TP C, tỉnh Cao Bằng) cùng nhau thành lập Công ty TNHH xuất nhập khẩu E tỉnh Cao Bằng. Sản xuất gạch không nung (trong đó Nông Văn P là Giám đốc công ty, Bùi Duy V là thành viên góp vốn). Đến tháng 02/2013 P tuyển thêm Nông Văn Q, sinh năm 1976 (ở xóm B, xã L, H, Cao Bằng) là em trai của P vào làm nhân viên của Công ty, phụ trách về kỹ thuật, quản lý công nhân, nhà xưởng. Khoảng tháng 3, 4/2013, Nông Văn P và Bùi Duy V thuê chiếc xe Fotuner BKS 30N-2236 của anh Lương Xuân U - sinh năm 1979, (tạm trú tại xóm R, xã T, TP C, tỉnh Cao Bằng) để đi lại, phục vụ công việc của Công ty. Cũng trong thời gian này, Công ty gặp khó khăn về tài chính, cần tiền để đầu tư xây dựng nhà xưởng, nên P, V đã bàn bạc lấy chiếc xe Fotuner của anh U đi cầm cố, P và V đi xe Fotuner đến đón Nông Văn Q, cùng nhau mang chiếc xe Fotuner xuống cầm cố với Trần Thị N (trú tại Đ1, Đ2, Hà Nội). Khi cầm cố chiếc xe Fotuner, N yêu cầu Q phải là người đứng tên cầm cố, do trước đó P và V đã đứng tên vay số nợ 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) của Trần Thị N và Trần Thu G (em gái N), vì vậy P nói với Q do Công ty đang cần tiền để đầu tư, bảo Q cứ đứng tên hợp đồng thế chấp xe Fotuner và khi có tiền sẽ rút xe ra ngay, nên Q đồng ý đứng tên hợp đồng thế chấp chiếc xe Fotuner, cho P lấy số tiền 400 triệu đồng với N để chi phí cho Công ty.

Khi hết thời hạn thuê xe ô tô Fotuner, anh U đòi lại xe, các đối tượng không có khả năng để chuộc lại xe về, nên Trần Thị N nói với P phải tìm một

chiếc xe khác có giá trị tương đương để thế vào chiếc xe Fotuner đặt làm tin. Sau đó P và V có bàn bạc về việc tìm xe, thì P nói gần nhà V có ông Nguyễn Duy C (trú tại tổ 3, phường Đ, TP C) cho thuê xe. Do đó, ngày 10/5/2013 Nông Văn P và Bùi Duy V đến nhà ông C, làm hợp đồng thuê chiếc xe INNOVA BKS 29A-203.32 thời hạn thuê 01 tháng (từ ngày 10/5/2013 đến 10/6/2013), tiền thuê xe 01 ngày là 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Sau khi thuê xe của ông C, P và V có sử dụng chiếc xe được vài ngày, thì P và V lái chiếc xe INNOVA đón Q ở Km6 Đ, Q có hỏi P và V đi đâu? thì P và V nói “có việc cứ đi đi”, rồi cùng nhau đi chiếc xe INNOVA xuống đến địa phận thành phố F, thì P nói với Q và V "lấy chiếc xe này (tức xe INNOVA của ông C) xuống đổi lấy chiếc xe Fotuner về, nhưng không biết chị N có đồng ý không?", nghe P nói như vậy, V và Q cũng không nói gì, cùng nhau đi xe INNOVA xuống nhà Trần Thị N. Khi thấy P nói mang xe INNOVA xuống đổi lấy xe Fotuner về, N đã yêu cầu P, V, Q phải viết giấy bán xe và xuất hóa đơn đỏ của Công ty E với giá 750 triệu và để lại chiếc xe INNOVA. P nhất trí và đứng tên làm hợp đồng thế chấp đổi lấy chiếc xe Fotuner về trả cho V, đồng thời lấy thêm với N số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) để chi trả cho công việc của Công ty. Đến hạn trả xe ông C, các đối tượng không có tiền trả cho Trần Thị N, nên Nông Văn P gọi điện thoại cho ông Nguyễn Duy C để kéo dài thời hạn thuê xe, ông C đồng ý nhưng với điều kiện "P phải trả tiền thuê vào cuối tháng", P đồng ý. Ngày 29/7/2017 P đưa cho Q 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và bảo Nông Văn Q cùng Bùi Duy V trực tiếp đến nhà ông C, xin gia hạn thêm thời hạn thuê xe và được ông C đồng ý.

Ngày 06/10/2013, Trần Thị N đến nhà V (tại tổ 04, phường Đ, TP C) để chốt số nợ với P và V là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) gồm: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền mặt của N và Trần Thu G (em gái N) và 480.000.000đ (Bốn trăm tám mươi triệu đồng) tiền cầm cố 02 xe ô tô với tiền lãi. Đồng thời đòi P và V trả nợ. Nhận thấy tình hình Công ty không có tiền để tiếp tục hoạt động và nợ nần nhiều, Bùi Duy V đã bàn với gia đình và thỏa thuận với P chia số nợ ra làm ba phần (P, V, Q), V sẽ trả phần của mình trong Công ty số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cho N, rồi rút khỏi Công ty và nhằm mục đích trả số tiền đó cho N để lấy xe INNOVA về trả cho ông C. Lúc này Q không có mặt tham gia thỏa thuận và ngay từ đầu Q làm mọi việc đều theo sự chỉ đạo của P nên P nhận trả thay phần của Q và nhất trí với thỏa thuận của V. Theo đó, ngày 10/7/2013 và ngày 21/11/2013 bà Hoàng Thị K (mẹ ruột V) đã gửi cho Trần Thị N số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

qua tài khoản Trần Thu G từ đó V không liên quan gì đến các khoản nợ còn lại của Công ty và chiếc xe INNOVA của anh C.

Sau nhiều lần gọi điện cho P, V đòi xe không được và vì công việc bận, nên ông Nguyễn Duy C đã ủy quyền cho em trai là Nguyễn Văn I đi đòi xe về, I tìm gặp P, thì P cũng hứa hẹn sẽ cố gắng vay mượn tiền để lấy xe về trả và xin gia hạn ngày trả xe, nhưng đến hạn trả xe vẫn không thấy, nên I đã nhờ Dương Văn O (ở M, X, Cao Bằng) cùng Hoàng Khánh Z1 (trú tại Tổ 10, phường Đ, TP C) và Phạm Thanh Z2 (ở Tổ 2, phường Đ, TP C) để đi tìm P đòi xe và tiền thuê xe. O gọi điện đòi P nhiều lần, đến ngày 7,8/6/2016 P chuyển vào tài khoản của O 02 lần với tổng số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để gửi trả ông C (số tiền này, O nhận chưa trả cho ông C và đã nộp lại cho Cơ quan điều tra, ngày 28/11/2017 Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho ông Nguyễn Duy C). Đến ngày 10/10/2016 ông Nguyễn Duy C làm biên bản thanh lý hợp đồng thuê xe ngày 10/5/2013 với Nông Văn P với nội dung P trả xe INNOVA biển kiểm soát 29A-203.32 về và thanh toán tiền thuê xe theo hợp đồng với số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Khi không thấy P thực hiện nghĩa vụ trả xe và tiền thuê, ngày 19/01/2017 ông Nguyễn Duy C viết đơn tố cáo lên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

Để xác định giá trị tài sản (chiếc xe ô tô) do Nông Văn P đã chiếm đoạt chiếc xe ô tô của ông Nguyễn Duy C, ngày 14/4/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng ra quyết định trưng cầu định giá tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 330/KL-HĐĐGTS ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã kết luận: “Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô TOYOTA INNOVA 08 chỗ ngồi màu ghi-bạc, biển kiểm soát 29A-203.32, số máy 1TR6428024, số khung RL4XW43GX79216376, sản xuất năm 2007 tại thời điểm lừa đảo chiếm đoạt tài sản (ngày 10/5/2013) là 207.048.000,đ (*Hai trăm linh bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*)”.

Hành vi của Nông Văn P đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo qui định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại cáo trạng số 68/CTr-VKSCB-P2 ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn P về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo qui định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Mục đích của bị cáo khi thuê chiếc xe ô tô Innova của ông C là

để đổi lấy chiếc ô tô Fotuner về trả cho ông U. Khi làm ăn khá lên sẽ lấy tiền trả cho bà N để lấy chiếc ô tô Innova về, nhưng do công việc kinh doanh càng ngày càng hiệu quả kém, bị cáo đã không có đủ khả năng trả nợ nên hiện vẫn chưa lấy lại được chiếc Innova về để trả cho ông C.

Bị hại Nguyễn Duy C trình bày: Từ khoảng đầu tháng 5/2013 Bùi Duy V và Nông Văn P đến nhà tôi nhiều lần để đề cập cho thuê xe ô tô. Do ông V biết nhà tôi có 2 xe ô tô, nên đã cùng P ngỏ ý muốn mượn 1 chiếc xe để giao dịch việc cá nhân. Sau 6 lần P và V sang nhà yêu cầu và thuyết phục, tôi đã đồng ý cho P và V thuê chiếc xe Innova BKS 29A-203.32 và thống nhất nếu thuê xe trả tiền 21.000.000 đồng/tháng và tôi cho V và P thuê 01 tháng. Ngày 30/5/2013 V đến trả tôi 10.000.000 đồng. Hết hạn hợp đồng, P xin kéo dài thời hạn thuê xe. Ngày 29/7/2013 có anh Q đến thanh toán tiền thuê xe cho P là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và xin kéo dài thời hạn thuê xe. Khi đến hạn trả xe, P, V vẫn không trả xe cho tôi, tôi có gọi điện cho P và V nhưng P, V không nghe máy, nên tôi ủy quyền cho em trai tôi là I đi tìm xe hộ và giao hết toàn quyền cho I về việc đòi tiền thuê xe và lấy xe về. Tại tòa, tôi yêu cầu Nông Văn P, Bùi Duy V trả lại chiếc xe ô tô INNOVA 29A-203.32 cho tôi và thanh toán số tiền thuê xe từ tháng 5/2013 cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Duy V trình bày: Ban đầu thuê xe anh C chúng tôi chưa bàn tính gì về việc cầm xe của anh C, sau khi thuê được xe khoảng 3 tuần thì công ty gặp khó khăn cần có tiền để hoạt động nên P nói với tôi là mang xe đi cầm ở Sơn Tây với Trần Thị N và Trần Thu G. Tôi đã đồng ý với P về việc cầm cố chiếc xe anh C. Tôi đề nghị Q cũng phải có trách nhiệm trong việc này. Tôi đã nộp tại cơ quan điều tra công an tỉnh Cao Bằng số tiền là 200.000.000,đ (Hai trăm triệu đồng) để bồi thường cho ông C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn Q trình bày: Tôi không được cùng bị cáo P và ông V đi thuê xe của ông C, cũng không biết dự định của bị cáo P với ông V là lấy chiếc ô tô này thay thế cho chiếc Fotuner. P và V sử dụng chiếc xe INNOVA đón tôi xuống Hà Nội, lúc đi, tôi có hỏi V và P đi có việc gì, thì hai người chỉ nói là đi có việc cứ đi đi. Tại nhà chị N, chị G, P và V vào ngồi nói chuyện được 1 lúc gọi tôi vào ký vào giấy cầm cố chiếc xe INNOVA thì lúc đó tôi mới biết P và V mang xe để cầm cố, số tiền cầm xe được bao nhiêu tôi không nhớ. Trên đường về, tôi mới biết mục đích của việc anh P, V cầm cố chiếc xe INNOVA để lấy chiếc xe Fotuner về trả cho ai đó tôi không biết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn O trình bày: Anh P đã chuyển cho tôi 2 lần vào tài khoản của tôi với số tiền là 1 lần là 8.000.000 đồng và 1 lần 2.000.000 đồng, tổng số tiền tôi nhận từ P 10.000.000 đồng, số tiền này tôi sử dụng vào việc thuê xe, xăng dầu và chi phí ăn uống cho những lần tôi đi từ Thành phố và H để tìm gặp P về việc chiếc xe mà anh P thuê xe anh C. Lúc tôi, Z2, I, Z1 đến nhà anh P nói chuyện về chiếc xe ô tô INNOVA, tại nhà anh P, anh I có yêu cầu P trả xe và tiền thuê xe, P có viết giấy thỏa thuận cam kết trả xe và tiền thuê xe cho anh I, P hẹn 3 tháng sau sẽ trả, sau đó I có nói với P là nhờ tôi và giao cho tôi về việc chiếc xe và tiền thuê xe thu hồi về cho anh I đúng hẹn. Số tiền 10.000.000,đ (Mười triệu đồng) tôi đã nộp cho cơ quan điều tra, để trả cho anh C.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn I trình bày: Tôi biết sự việc P và V thuê chiếc xe ô tô của anh C và anh C có ủy quyền cho tôi về việc quản lý chiếc xe INNOVA. Ngày 29/7/2013 V và Q có đến nhà anh C, tôi có yêu cầu V và Q viết giấy hẹn trả tiền thuê xe, còn chiếc xe thì hẹn 01 tháng sau mang về trả. Sau khoảng 6-7 tháng không thấy P và V mang xe về trả, gọi điện cho V hẹn đến nhà anh C nói chuyện, tôi có yêu cầu V gọi điện cho P về trả xe, nếu không trả được thì phải bồi thường giá trị tại thời điểm đó là 560.000.000 đồng, chúng tôi chỉ thỏa thuận bằng miệng không viết hợp đồng. Sau khoảng 01 năm sau tôi có liên lạc lại với P và V nhiều lần nhưng không liên lạc được với P thì tôi có gọi V đến nhà anh C. Tôi yêu cầu V bồi thường giá trị chiếc xe 560.000.000 đồng thì V nói em chỉ trả được một nửa thôi phần còn lại là của P. Khoảng 5-6 tháng sau cũng không thấy P, V đến trả nên tôi có nhờ Z1, Z2. Ngày 13/11/2014 thì Z2, Z1 gọi điện cho tôi xuống nhà P nói chuyện. Tại nhà P có Z2, Z1, O, P hẹn 1 tháng sau sẽ trả tiền và trả xe cho tôi. Đến hơn 1 tháng sau cũng không thấy P mang xe về trả nên tôi có gọi cho Z2, Z1, O tìm P và V để giải quyết việc chiếc xe. Khoảng tháng 1/2017 tôi gặp V và có yêu cầu V tìm P để mang xe về hoặc bồi thường giá trị chiếc xe, V đồng ý và nói em sẽ thanh toán 1 nửa còn P 1 nửa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Văn P về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nông Văn P từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về Trách nhiệm Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa bị cáo Nông Văn P, bị hại Nguyễn Duy C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Duy V về việc bồi thường giá trị chiếc xe ô tô, tiền thuê xe và các khoản chi phí khác cho việc tìm kiếm chiếc xe như sau:

Bị cáo Nông Văn P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy C một khoản tiền là 250.000.000,đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Gia đình bị cáo đã thanh toán cho ông C 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) tại phiên tòa.

Ông Bùi Duy V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại C một khoản tiền là: 200.000.000,đ (Hai trăm triệu đồng). Khoản tiền này ông V đã nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cao Bằng, để khắc phục hậu quả cho ông C.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu hóa giá phát mại sung công chiếc điện thoại, vì bị cáo P đã dùng vào việc liên lạc, giao dịch liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo Nông Văn P nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có gì tranh luận.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có gì tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn P đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người

bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty TNHH xuất nhập khẩu E Cao Bằng được cấp giấy phép kinh doanh từ ngày 5/10/2012. Danh sách thành viên góp vốn: Nông Văn P, chức danh: Giám đốc công ty; Bùi Duy V là thành viên góp vốn (kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...). Do thiếu vốn để hoạt động, nên bằng thủ đoạn gian dối, dưới hình thức thuê xe ô tô tự lái của anh Nguyễn Duy C, bị cáo Nông Văn P đã đem chiếc xe của anh C đi đặt, thế chấp với người khác lấy tiền, chi trả cho việc xây dựng nhà xưởng và chi tiêu cá nhân. Khi đến thời hạn trả xe theo hợp đồng, bị cáo không có tiền chuộc lại xe, nên đã chủ động gọi điện gặp anh C để gia hạn, kéo dài thời gian thuê xe, nhằm tạo lòng tin ở chủ sở hữu tài sản là anh Nguyễn Duy C. Mặc dù anh C và gia đình đã yêu cầu bị cáo trả lại xe nhiều lần, nhưng bị cáo cứ khất lần, không trả, hiện nay chiếc xe ô tô của anh Nguyễn Duy C không biết ở đâu. Tại bản kết luận định giá tài sản số 330/KL-HĐDGTS ngày 26/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã kết luận: “Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô TOYOTA INNOVA 08 chỗ ngồi, màu ghi-bạc, biển kiểm soát 29A-203.32, số máy 1TR6428024, số khung RL4XW43GX79216376, sản xuất năm 2007 tại thời điểm lừa đảo chiếm đoạt tài sản (ngày 10/5/2013) là 207.048.000,đ (*Hai trăm linh bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*)”. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội: “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của VKS nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo thực hiện là gian dối, là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, đối với bị cáo cần xử lý nghiêm khắc để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tác động gia đình bồi

thường cho bị hại 01 khoản tiền là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) để khắc phục một phần hậu quả. Bị hại Nguyễn Duy C đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bố của bị cáo được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có nhiều thành tích trong công cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tình tiết tăng nặng, không có. Do vậy cần áp dụng Điều 47 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: hành vi phạm tội của bị cáo P đã gây thiệt hại về tài sản cho bị hại Nguyễn Duy Ch. Tại phiên tòa giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Duy V đã tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại về giá trị chiếc xe ô tô, tiền thuê xe và các khoản chi phí tìm kiếm xe...Cụ thể như sau:

Bị cáo Nông Văn P có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy C một khoản tiền là 250.000.000,đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn). Ông C đã nhận số tiền:100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng) với gia đình bị cáo tại phiên tòa.

Ông Bùi Duy V có trách nhiệm bồi thường cho bị hại C một khoản tiền là: 200.000.000,đ (Hai trăm triệu). Khoản tiền này ông V đã nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra, để khắc phục cho ông C.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa bị cáo Nông Văn P, bị hại Nguyễn Duy C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Duy V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, Tòa cần ghi nhận.

[5] Việc xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng đã qua sử dụng có số IMEI 1: 357202078704427 và số IMEI 2: 357203078704425 của bị cáo Nông Văn P, là phương tiện thực hiện tội phạm.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nông Văn P phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nông Văn P 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 28/6/2017.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện tại phiên tòa giữa bị cáo Nông Văn P, bị hại Nguyễn Duy C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Duy V về việc bồi thường thiệt hại về giá trị tài sản, tiền thuê xe,... cụ thể như sau:

- Bị cáo Nông Văn P phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy C (Địa chỉ: Tổ 03, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) một khoản tiền là 250.000.000,đ (Hai trăm năm mươi triệu). Xác nhận anh Nguyễn Duy C đã nhận với gia đình bị cáo số tiền là 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Theo giấy biên nhận tiền ngày 07 tháng 02 năm 2018.

- Ông Bùi Duy V phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy C (Địa chỉ: Tổ 03, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) một khoản tiền là 200.000.000,đ (Hai trăm triệu). Xác nhận ông V đã nộp tại cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cao Bằng theo biên bản tạm giữ đồ vật tài sản ngày 17/11/2017. Khoản tiền đã được cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cao Bằng nộp vào tài khoản tạm giữ tại kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng, theo Quyết định số 02/PC44 ngày 30/11/2017.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bị cáo P chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 45 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu phát mại sung công quỹ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đồng đã qua sử dụng có số IMEI 1: 357202078704427 và số IMEI 2: 357203078704425 của Nông Văn P.

Xác nhận số vật chứng này đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số 11 ngày 01/12/2017.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch, Cộng hai khoản, bị cáo P phải nộp là 7.700.000,đồng (Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại tạm giam CA Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương